

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/DS-PT

Ngày 16/6/2023

Về việc: “*Tranh chấp chia tài sản
Ch*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Lê Văn Hữu.

Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Mừng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023, về việc “*Tranh chấp chia tài sản Ch*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2022/DS-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Hùng V, địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Y Thanh L (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/6/2019), địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Ch, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi Nhánh Đ– Phòng giao dịch Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H– Giám đốc Phòng giao dịch huyện Đ– *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

+ Anh Lê Văn Th, địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông– *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

+ Ông Lê Văn T, địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Do có kháng cáo của bà Phạm Thị Ch – là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/4/2009 ông V và bà Ch có nhận chuyển nhượng chung 01 lô đất rẫy của ông Lê Văn T (tặng cho anh Lê Văn Th là con trai) tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông diện tích 14.890m², với số tiền là 360.000.000đồng. Căn cứ theo “Giấy đặt cọc” ngày 25/4/2009, “Giấy giao kèo” ngày 06/1/2011 và các giấy tờ giao nhận tiền khác đều thể hiện nội dung ông Vũ Hùng V và bà Phạm Thị Ch có nhận chuyển nhượng chung một diện tích đất trên từ ông Lê Văn Th, có đặt cọc trước 40.000.000 đồng, hẹn ngày 10/6/2009 sẽ trả tiếp là 220.000.000 đồng, số còn lại hạn cuối năm trả thì làm thủ tục sang tên. Sau nhiều lần giao nhận tiền với tổng số tiền ghi ông V và bà Ch trả là **300.000.000đồng**, toàn bộ số tiền trên ông V khai là của ông V, nên 01 mình ông V ký, giấy tờ có ghi bà Ch nhưng bà Ch không ký là không liên quan đến bà Ch. Do trả không đúng hẹn nên ông V xin chịu lãi suất đối với số tiền còn nợ lại. Ngày 06/01/2011 ông V với bà Ch trả số tiền còn lại là 107.000.000đồng bao gồm cả tiền lãi, vì số tiền 107.000.000đồng là của bà Ch trả nên giấy tờ bà Ch giữ. Vì quá tin tưởng bạn bè là bà Ch hơn nữa ông V lại không có hộ khẩu ở Đ và vợ con ở huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk nên ông để bà Ch đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Sau khi mua rẫy thì bà Ch ở dưới xã Thuận An, huyện Đắk Mil còn ông ở lại rẫy mua của anh Th chăm sóc, đầu tư, thỉnh thoảng bà Ch mới lên rẫy, hoặc đến thu hoạch cà phê,hoa màu thì bà Ch mới lên. Đến ngày 26/8/2016 ông được Công an xã N mời lên làm việc và biết được bà Ch tố cáo ông chiếm đoạt đất rẫy của bà.

Do ông V bỏ ra số tiền 300.000.000 đồng, bà Ch bỏ ra số tiền 107.000.000 đồng để mua đất rẫy của anh Th. Hiện nay không thoả thuận được việc phân chia tài sản Ch, nên ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Ch bồi thường chanh dây bị chặt phá là 110.500.000 đồng (Một trăm mười triệu năm trăm nghìn đồng), tiền bán đồ 24.320.000 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), tiền phá đồ đạc và lấy đi 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng là 140.320.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

- Yêu cầu chia ½ chiếc xe cang (máy kéo) nhãn hiệu Jang Dong, số loại K.R.N.G, loại máy kéo, màu đỏ, số máy 48MK11204, số khung 48NK11204,

biển số đăng ký 48MK11204 tên chủ xe mang tên bà Phạm Thị Ch. Tiền mua bán phân bón của Công ty TNHH H số tiền 31.518.000 đồng.

- Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD845222, do UBND huyện Đ cấp ngày 26/01/2011 đứng tên bà Phạm Thị Ch.

Tuy nhiên, ngày 28/12/2022, ông V đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu trên. Chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ch chia cho ông $\frac{1}{2}$ giá trị của 02 thửa đất và tài sản trên đất theo GCNQSDĐ số BD 845222 do UBND huyện Đ cấp ngày 26/01/2011 đứng tên bà Phạm Thị Ch, đất tọa lạc tại thôn 11, xã N. Do hiện nay GCNQSDĐ bà Ch đang thế chấp Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch Đ theo Hợp đồng tín dụng số tiền vay là 800.000.000 đồng. Do ông V không có nhu cầu sử dụng đất, nên ông V đồng ý giao đất và tài sản trên đất cho bà Ch sử dụng, bà Ch có trách nhiệm trả lại cho ông V số tiền chênh lệch tương ứng với số tiền ông V bỏ ra là 300.000.000 vào mua Ch theo Chứng thư thẩm định giá đất và tài sản trên đất.

Bị đơn bà Phạm Thị Ch trình bày:

Năm 2009 bà Ch và ông V quen nhau, do bà Ch có nhu cầu mua đất rẫy nên ông V đã giới thiệu cho bà mua diện tích đất rẫy của người quen ông V ở xã N, huyện Đ. Sau đó bà Ch và ông V cùng đi xem rẫy, đến gặp người bán rẫy là anh Lê Văn Th. Sau khi xem rẫy bà đồng ý mua vào ngày 25/4/2009, anh Th là người đứng bán nhưng giấy tờ đứng tên bố anh Th là ông Lê Văn T, diện tích rẫy là 14.890m², cộng diện tích ao tưới với giá tiền là 360.000.000 đồng, khi mua bà nhờ ông V viết giấy tay lý do bà học thức kém. Bà đặt cọc trước 40.000.000 đồng, do không có tiền trả như đã thoả thuận nên bà đã trả cho anh Th làm nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 07/6/2009 bà trả cho anh Th số tiền 80.000.000 đồng.

- Ngày 20/3/2010 bà trả cho anh Th 40.000.000 đồng.

- Do không đủ tiền trả nên xin anh Th cho nợ chịu lãi và nhờ anh Th thế chấp rẫy bà mua vay Ngân hàng được 60.000.000 đồng.

- Ngày 29/12/2010 trả thêm 80.000.000 đồng, còn lại 27.000.000 đồng nợ để làm giấy chứng nhận. Tổng số tiền trả cho anh Th xong là hơn 400.000.000 đồng bao gồm cả tiền lãi. Anh Th là người làm giấy chứng nhận cho bà Ch, khi đi làm giấy chứng nhận thì ông V đều biết nhưng không có ý kiến gì, năm 2011 anh Th làm xong giấy chứng nhận QSDĐ mang đến nhà thì bà trả hết số tiền còn lại 27.000.000 đồng khi bà trả cho anh Th thì ông V cũng ở đó, GCNQSDĐ mang tên 1 mình bà Phạm Thị Ch số BD 845222 ngày cấp 26/01/2011. Sau khi mua xong bà trực tiếp canh tác trên đất, ông V chỉ là người làm công cho bà, sản lượng hoa màu thu hoạch về bà đưa về huyện Đ, rồi tái đầu tư trồng thêm tiêu các loại, tiền công hay phân bón là bà đưa tiền cho ông V trả, trách nhiệm của ông V là quản lý người làm, bà hỗ trợ nuôi con ông V, giờ ông V yêu cầu chia tài sản chung đối

với diện tích đất rẫy mua của anh Th tại thôn 11, xã N là bà không đồng ý. Còn đối với các yêu cầu khác của ông V đã rút nên bà không có ý kiến gì.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: - Ông Lê Văn T trình bày: Ông T thừa nhận có bán diện tích đất trên, nguồn gốc ông nhận chuyển nhượng lại của ông O, ông T1 với tổng diện tích khoảng 1,5ha đã trồng cà phê khoảng 1500 cây, năm 2000 thì làm sổ đỏ đứng tên vợ chồng ông, ông đào giếng, mức hồ đến năm 2006 thì cho con trai là Lê Văn Th. Năm 2009 anh Th chuyển nhượng lại cho người khác thì ông giúp sang tên GCNQSDĐ vì khi cho chưa sang tên cho con ông, còn tiền thì con trai ông là anh Th nhận nên ông không biết. Do ông V, bà Ch khi nào cũng đi với nhau nên ghi vợ chồng, trong giấy nhận tiền Th con trai tôi ký, còn ông T không ký, khi làm sổ đỏ 01 mình bà Ch đứng tên, ông V biết nhưng không có ý kiến gì, sau đó mọi thủ tục thì con tôi là Th có trách nhiệm làm theo quy định.

- Anh Lê Văn Th trình bày: Do quen biết chú V nên khi chú V, cô Ch đến xem đất rẫy để mua, các bên thống nhất giá bán là 360.000.000 đồng bao gồm toàn bộ đất tài sản trên đất, khi mua cả hai người là cô Ch chú V đi mua còn tiền của ai cụ thể như thế nào anh không biết, đặt cọc trước 40.000.000 đồng, có viết giấy tay có chị Hương hàng xóm ký, sau đó trả rất nhiều lần mới hết, có nhờ tôi đi vay ngân hàng chịu lãi suất, đến khi thanh toán xong là hơn 400.000.000 đồng. Rồi anh Th đứng ra làm thủ tục sang tên từ bố anh là ông Lê Văn T sang tên bà Ch lúc đó ông V có biết nhưng không có ý kiến gì đến khi sổ đỏ làm xong anh Th giao cho bà Ch tại rẫy có ông V ở đó nhưng không có ý kiến gì.

- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V Nam trình bày: Bà Ch có vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V Nam – Phòng giao dịch huyện Đắk Mil số tiền 800.000.000 đồng, bà Ch đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản đối với thửa đất số 23,24 tờ bản đồ 59 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 845222, diện tích 14.890m² mang tên bà Phạm Thị Ch đất tọa lạc tại thôn 11, xã N, huyện Đ. Hiện nay số nợ này chưa đến hạn trả, ông V không yêu cầu chia bằng diện tích đất nên Ngân hàng không phản tố độc lập yêu cầu bà Ch trả trước thời hạn. Do đó, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Những người làm chứng:

- Chị Tống Thị H trình bày: Chị H sinh sống tại thôn 11, xã N, huyện Đ từ 2000, chị biết nguồn gốc đất ông V bà Ch tranh chấp là của ông Lê Văn T, gia đình ông T bán vào năm 2009, do chị H là hàng xóm nên khi bán đất có nhờ chị sang chỉ ranh và ký vào giấy đặt cọc tiền giữa các bên đã viết sẵn, ký xong thì chị đi về chứ không biết gì thêm.

- Ông Phạm Văn N: Tòa án đã triệu tập nhiều lần để làm rõ giấy thỏa thuận về việc sử dụng sinh ngày 16/02/2011. Tuy nhiên, ông N cho rằng thỏa thuận vậy là để có nguồn nước tưới tiêu, hai bên không liên quan gì đến nhau. Nay đất của ông N đã chuyển nhượng cho người khác, ông N không liên quan gì nên không làm việc với Tòa án.

Tại chứng thư thẩm định giá ngày 05/7/2021 của Công ty thẩm định giá SAG thì Quyền sử dụng đất của 14.890m² có giá trị thành tiền là 501.599.430 đồng; công trình xây dựng 83.357.442 đồng, cây trồng 252.804.582 đồng. Tổng cộng 837.805.000 đồng.

Tại biên bản xác minh của Tòa án ở UBND xã N được cung cấp: diện tích đất của 02 hồ nước có diện tích 750m² và 375m² đất hồ mà ông V, bà Ch mức để lấy nước tưới tiêu là thuộc đất suối theo quy định thì đất này không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà người dân chỉ được khai thác nguồn nước tưới tiêu. Đất sông suối do UBND xã quản lý theo quy định của Luật đất đai.

Tại bản án số: 80/2022/DS-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

“Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hùng V.

1. Đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hùng V về việc yêu cầu bà Phạm Thị Ch phải bồi T tài sản và chia tài sản cho ông V các khoản như sau:

- Số tiền yêu cầu bà Ch bồi T chanh dây bị chặt phá là 110.500.000 đồng (Một trăm mười triệu năm trăm nghìn đồng), tiền bán đồ thâm 24.320.000 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), tiền phá đồ đạc và lấy đi 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng là 140.320.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

- Ông Vũ Hùng V yêu cầu chia ½ chiếc xe cang (máy kéo) nhãn hiệu Jang Dong, số loại K.R.N.G, loại máy kéo, màu đỏ, số máy 48MK11204, số khung 48NK11204, biển số đăng ký 48MK11204 tên chủ xe mang tên bà Phạm Thị Ch. Tiền mua bán phân bón của Công ty TNHH H số tiền 31.518.000 đồng.

- Rút yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD845222, do UBND huyện Đ cấp ngày 26/01/2011 đứng tên bà Phạm Thị Ch.

2. Buộc bà Phạm Thị Ch có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Vũ Hùng V số tiền chênh lệch đóng góp, tạo dựng vào tài sản Ch được chia tương đương với phần ông Vũ Hùng V được hưởng trên tổng số tài sản được giao cho bà Phạm Thị Ch là 309.988.000 đồng (Ba trăm linh chín triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn đồng).

3. Giao cho bà Phạm Thị Ch được quyền sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với thửa đất số 23,24 tờ bản đồ 59 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 845222, diện tích 14.890m² mang tên bà Phạm Thị Ch đất tọa lạc tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Vị trí các cạnh: Phía Nam giáp rẫy ông Trần Xuân N; Phía Đông giáp suối; Phía Tây giáp đường Liên thôn; Phía bắc giáp rẫy ông Trần Quốc V1.

4. Đối với 02 cái Ao dùng tưới nước không thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, thuộc đất suối do nhà nước quản lý nên bà Ch chỉ có

quyền khai thác nguồn nước của 02 cái Ao này để tưới tiêu nên không tạm giao cho bà Ch theo quy định”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/01/2022 bà Phạm Thị Ch kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, bác kháng cáo của bà Phạm Thị Ch. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 80/2022/DS-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Ch kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. *Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:*

[2.1]. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các giấy tờ viết tay do phía nguyên đơn cung cấp (Giấy đặt cọc, giấy giao kèo, giấy giao nhận tiền...) đều thể hiện nội dung ông V và bà Ch là người cùng mua đất từ ông Th, các giấy giao nhận tiền cũng đều có tên ông V và bà Ch. Lời khai của người bán (ông Th, ông T) đều xác định là bán cho ông V, bà Ch. Việc bà Ch cho rằng ông V chỉ là người làm thuê nhưng không có chứng cứ chứng minh. Mặt khác, bà cho rằng bà không biết chữ nên đã nhờ ông V viết giấy tờ mua bán và giao nhận tiền nhưng hồ sơ vụ án thể hiện có các bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết do chính bà viết, ký tên là mâu thuẫn, không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Ngoài ra, tại phiên tòa bà xác định các giấy tờ viết tay nhận chuyển nhượng và giao nhận tiền nêu trên do bà giữ nhưng ông V đã lấy trộm của bà để làm căn cứ khởi kiện điều này chứng minh cho thấy bà Ch biết rõ các giấy tờ thể hiện việc mua chung.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định diện tích đất 14.890 m² thuộc thửa đất số 23, 24 tờ bản đồ số 59, GCNQSDĐ số BD845222 do UBND huyện Đ cấp ngày 26/01/2011 mang tên bà Phạm Thị Ch, đất tọa lạc tại thôn 11, xã N, huyện Đ và toàn

bộ tài sản trên đất là tài sản Ch của ông V, bà Ch, có nguồn gốc do cùng góp tiền mua chung.

[2.2]. Xác định phần sở hữu chung giữa các bên và giải quyết yêu cầu chia giá trị tài sản Ch theo khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án các bên đều trình bày ý kiến của mình và không thống nhất được với nhau về số tiền mỗi bên đóng góp mua Ch như nêu ở trên. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ để xác định tại thời điểm nhận chuyển nhượng diện tích đất 14.890 m² thuộc thửa đất số 23, 24 tờ bản đồ số 59 tổng số tiền là 407.000.000 đồng, trong đó giá chuyển nhượng là 360.000.000 đồng và 47.000.000 đồng lãi chậm trả (nội dung này các đương sự đều thống nhất). Theo đó, bên bán (ông Th) đã nhận của ông V và bà Ch 05 lần tổng số tiền là 300.000.000 đồng; nhận của bà Ch 107.000.000 đồng, việc giao nhận tiền có lập văn bản (bút lục từ 215- 220). Do vậy, Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định tỷ lệ đóng góp của ông V là 37%; bà Ch là 63%, và buộc bà Ch phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông V giá trị tài sản Ch nêu trên theo giá trị tại thời điểm xét xử tương ứng với số tiền 309.987. 850 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án cấp sơ thẩm tuyên chưa chính xác nên cấp phúc thẩm sửa lại cho đúng quy định của pháp luật.

[3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy việc bị đơn bà Phạm Thị Ch kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận; Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 80/2022/DS-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phạm Thị Ch phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Ch, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 80/2022/DS-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Áp dụng các Điều 214, 215, 216, 224, 226 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hùng V.

1.1. Xác định thửa đất số 23, 24 tờ bản đồ 59, diện tích 14.890m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 845222 đứng tên bà Phạm Thị Ch và tài

sản, cây trồng gắn liền trên đất, tọa lạc tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông là tài sản chung theo phần của bà Phạm Thị Ch và ông Vũ Hùng V.

1.2. Buộc bà Phạm Thị Ch phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vũ Hùng V một phần giá trị tài sản chung tương ứng với tỷ lệ vốn góp, tạo dựng vào khối tài sản chung là 37% tương đương với số tiền là 309.988.000 đồng (*Ba trăm linh chín triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

1.3. Giao cho bà Phạm Thị Ch được quyền sử dụng, định đoạt toàn bộ diện tích đất và tài sản, cây trồng gắn liền trên đất tại thửa số 23, 24 tờ bản đồ 59, diện tích 14.890m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 845222 đứng tên bà Phạm Thị Ch, tọa lạc tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có vị trí, tứ cận: Phía Nam giáp đất ông Trần Xuân Nam; Phía Đông giáp suối; Phía Tây giáp đường Liên thôn; Phía bắc giáp đất ông Trần Quốc V1.

Kể từ ngày ông Vũ Hùng V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Ch phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên số 0001880 ngày 13/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành án kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng